

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét văn bản số số 26/CV-ĐPHH ngày 15/01/2025 của Công ty cổ phần Đại Phát Hoàng Hà Hà Nam v/v chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường cho Dự án “Xây dựng dự án nhà máy sản xuất tấm nhựa nội thất” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty cổ phần Đại Phát Hoàng Hà Hà Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CN 01, Cụm công nghiệp Lê Hồ, phường Lê Hồ, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Xây dựng dự án nhà máy sản xuất tấm nhựa nội thất” tại Cụm công nghiệp Lê Hồ, phường Lê Hồ, thị

xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng dự án nhà máy sản xuất tấm nhựa nội thất.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN 01, Cụm công nghiệp Lê Hồ, phường Lê Hồ, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0700879989 đăng ký lần đầu ngày 15/03/2024. Nơi cấp Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700879989.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất tấm nhựa Plastic (mã ngành 2013); Sản xuất giường, tủ, bàn ghế từ nhựa Plastic (mã ngành 3100).

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án: 20.010 m<sup>2</sup> (theo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng số giữa Công ty TNHH Đầu tư xây dựng dịch vụ thương mại Việt Phát I và Công ty cổ phần Đại Phát Hoàng Hà Hà Nam số 26.07/2024/HĐ/VPI-ĐPHH ngày 26/7/2024).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất hoạt động: Sản xuất tấm nhựa nội thất là 14.999 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất tấm tủ nhựa: Nguyên liệu (bột nhựa, bột màu, bột đá, phụ gia) → Trộn → Đùn ép, định hình → Cắt → In, phủ UV → Kiểm tra, đóng gói → Lưu kho.

+ Quy trình sản xuất tấm ốp trần, ốp tường: Nguyên liệu (bột nhựa, bột màu, bột đá, phụ gia) → Trộn → Đùn ép, định hình → Dán màng PVC → Cắt → Kiểm tra, đóng gói → Lưu kho.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Đại Phát Hoàng Hà Hà Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý nước thải, quản lý khí thải, chất thải và có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

*(Từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).*

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND thị xã Kim Bảng;
- UBND phường Lê Hồ;
- TT PTCCN thị xã Kim Bảng (để phối hợp);
- Công ty CP Đại Phát Hoàng Hà Hà Nam (để thực hiện);
- TT TTDL&PTQĐ (đăng web);
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh tại dự án được thu gom xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lê Hồ 2.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý. Dự án không xả nước thải ra môi trường.

Chủ dự án có trách nhiệm đảm bảo xử lý nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn đầu nối của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lê Hồ theo Phụ lục hợp đồng số 27.11/2024/PLHD/VPI-ĐPHH ngày 25/11/2024 giữa Công ty TNHH Đầu tư xây dựng dịch vụ thương mại Việt Phát I (là đơn vị quản lý vận hành hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lê Hồ) và Công ty cổ phần Đại Phát Hoàng Hà Hà Nam. Do vậy, dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bảo vệ.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh công nhân.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên khu văn phòng.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ăn.
- Nguồn số 05: Nước thải từ bể lắng 1m<sup>3</sup> của hệ thống nước làm mát (1 tháng thải bỏ 1 lần).

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của trạm xử lý nước thải là Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lê Hồ công suất 2.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Tại 01 điểm đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Lê Hồ. Vị trí tuyến đường D1, hố ga D1.8/D1.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải sau xử lý (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°):

$$X=2282976.50; Y=590215.72$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả thải cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giới hạn tiếp nhận của Cụm công nghiệp Lê Hồ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận nước thải của CCN Lê Hồ	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	°C	6-9	Không thuộc đối tượng
2	BOD5	mg/l	300	
3	COD	mg/l	500	
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	250	
5	Sunfua	mg/l	0,5	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	20	
7	Tổng nito	mg/l	40	
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	15	
9	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	10.000	
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, 02, 03, 04): Nước thải được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại 3 ngăn (04 bể thể tích 2 m<sup>3</sup>; 01 bể thể tích 10 m<sup>3</sup>) và 01 bể tách mỡ thể tích 7 m<sup>3</sup> sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 05: Nước thải từ bể lắng được nhà máy bơm hút thủ công thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lê Hồ công suất 2.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý, sau đó dẫn ra kênh A3-2-11 tại phường Đại Cường, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga thu gom nước thải sau xử lý → đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập chung của Cụm công nghiệp Lê Hồ.

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen, Cơ chất, PAC (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Có nhật ký vận hành của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố. Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải. Bố trí nhân viên vận hành hệ thống đảm bảo vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật...

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và áp dụng các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đã xây dựng của Công ty để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 03 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải tại bể gom (trước hệ thống xử lý) và 01 mẫu nước thải tại hồ ga thu gom sau xử lý (sau hệ thống xử lý) công suất 20m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lê Hồ; không được xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định khoản tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình nhập liệu, trộn (02 hệ thống).
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình in, phủ bóng UV.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quá trình băm, nghiền.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ quá trình cắt tấm nhựa (*xả thải trực tiếp*

*bên trong nhà xưởng*).

**2. Dòng khí thải xả, vị trí xả khí thải**

**2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

- Dòng số 01: Hệ thống xử lý bụi túi vải tại công đoạn nhập liệu, trộn số 1 (tương ứng với nguồn thải số 01), tọa độ vị xả thải X=2282988.70; Y=590275.01.

- Dòng số 02: Hệ thống xử lý bụi túi vải tại công đoạn nhập liệu, trộn số 2 (tương ứng với nguồn thải số 01), tọa độ vị xả thải X=2282984.89; Y=590350.41.

- Dòng số 03: Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ quá trình in, phủ bóng UV (tương ứng với nguồn thải nguồn số 02), tọa độ vị xả thải X=2282941.28; Y=590376.25.

- Dòng số 04: Hệ thống thu gom và xử lý bụi từ quá trình băm, nghiền (tương ứng với nguồn thải nguồn số 03), tọa độ vị xả thải X=2282893,44; Y=590381.63.

*(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).*

- Vị trí xả khí thải của dòng khí thải 01, 02, 03, 04 nằm trong khuôn viên của Dự án tại lô CN 01, Cụm công nghiệp Lê Hồ, P. Lê Hồ, TX. Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng số 01: 40.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng số 02: 40.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng số 03: 40.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng số 04: 17.000 m<sup>3</sup>/h.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải gián đoạn.**

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (Cột B, Kp=0,9; Kq=1,0); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:**



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục	
			QCVN 19:2009/BTNMT (Kp=0,9, Kv=1)	QCVN 20:2009/BTNMT	QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B			
<b>I</b>	<b>Hệ thống xử lý bụi túi vải - dòng số 01, 02, 04</b>						Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	-			
2	Bụi tổng số	mg/N m <sup>3</sup>	180	-	80			
<b>II</b>	<b>Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn in, phủ bóng UV</b>						Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	-			
2	Toluen	mg/N m <sup>3</sup>	-	750	40			
3	Xylen	mg/N m <sup>3</sup>	-	100	100			

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh tại khu vực nhập liệu, trộn được thu gom bằng chụp hút và các đường ống thu gom khí, nhờ lực hút của quạt hút đưa về hệ thống xử lý bụi túi vải số 1 và số 2 với công suất 40.000 m<sup>3</sup>/h/hệ thống.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại khu vực in, phủ bóng UV được thu gom bằng chụp hút nằm phía trên của máy vào đường ống thu gom khí, nhờ lực hút của quạt đưa về hệ thống xử lý công suất 40.000 m<sup>3</sup>/h (*hấp phụ bằng than hoạt tính*).

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh tại khu băm, nghiền được thu gom bằng chụp hút và các đường ống thu gom khí, nhờ lực hút của quạt hút đưa về hệ thống xử lý bụi túi vải với công suất 17.000 m<sup>3</sup>/h.

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh tại khu vực cắt được thu gom bằng bộ lọc bụi tích hợp đi theo từng máy để xử lý bụi tại công đoạn cắt tấm nhựa với tổng công suất 42.000 m<sup>3</sup>/h/21 hệ thống. Bụi được thu gom xử lý như chất thải thông thường.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Thiết bị thu gom, xử lý bụi từ khu vực cắt tấm nhựa (sử dụng bộ lọc bụi lắp đồng bộ cùng máy sản xuất tấm nhựa)

- Số lượng, vị trí: 21 bộ lọc bụi lắp đặt đồng bộ cùng 21 máy sản xuất tấm nhựa.

- Quy trình công nghệ: Bụi (nguồn số 4) → Đường ống thu gom → Quạt hút → Túi vải → Thoát khí.

- Chế độ vận hành: Gián đoạn (theo hoạt động của máy sản xuất tấm nhựa).

- Công suất: 2.000 m<sup>3</sup>/h/hệ thống.
- Vật liệu sử dụng: Túi vải.
- 1.2.2. Hệ thống xử lý bụi bằng túi vải:
  - Số lượng, vị trí:
    - + 02 Hệ thống tại khu vực nhập liệu, trộn;
    - + 01 Hệ thống tại khu vực băm, nghiền.
  - Quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Đường ống thu gom → Hệ thống túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí.
  - Vật liệu sử dụng: Túi vải.
- 1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính:
  - Số lượng, vị trí: 01 Hệ thống tại khu vực in, phủ bóng UV.
  - Quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí.
  - Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.
- 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:
 

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.
- 1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:
  - Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi, khí thải.
  - Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý bụi, khí thải hoạt động ổn định.
  - Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố thông thường xảy ra.
  - Đối với sự cố lớn, dừng hoạt động sản xuất, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.
  - Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và áp dụng các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đã xây dựng của Công ty để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

- 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 03 năm 2026.
- 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:
  - 02 Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nhập liệu, trộn công suất 40.000m<sup>3</sup>/h/hệ thống.
  - 01 Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn in, phủ UV công suất 40.000 m<sup>3</sup>/h.
  - 01 Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn băm, nghiền công suất 17.000 m<sup>3</sup>/h.
- 2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 04 mẫu
  - 01 mẫu tại ống thoát khí thải sau xử lý bụi công đoạn nhập liệu, trộn số 1.
  - 01 mẫu tại ống thoát khí thải sau xử lý bụi công đoạn nhập liệu, trộn số 2.

- 01 mẫu tại ống thoát khí thải sau xử lý khí thải tại công đoạn in, phủ UV.
  - 01 mẫu tại ống thoát khí thải sau xử lý bụi thải công đoạn băm, nghiền.
- 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đảm bảo các nồng độ ô nhiễm đáp ứng theo yêu cầu tại mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này trước khi thải vào môi trường.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định khoản tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Chủ dự án đầu tư phải lập, gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại công đoạn nhập liệu, trộn.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại công đoạn cắt sản phẩm.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh tại máy băm, nghiền.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 05: Khu vực đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: X=2282934.83 ; Y=590298.63.
- Nguồn số 02: X=2282964.29 ; Y=590298.47.
- Nguồn số 03: X=2282883.58 ; Y=590379.42.
- Nguồn số 04: X=2282931.93 ; Y=590379.16.
- Nguồn số 05: X=2282992.83; Y=590230.11.

(Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ).

**3. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025*  
*của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên, chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	170203	125
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	180201	90
3	Hộp chứa mực in	Rắn	080204	90
4	Mực in thải	Lỏng	080201	200
5	Dầu bóng UV thải	Lỏng	170703	100
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa CTNH)	Rắn	180103	550
7	Bao bì mềm (đã chứa CTNH)	Rắn	180101	150
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	160112	35
9	Than hoạt tính thải	Rắn	120706	300
<b>Tổng</b>				<b>1.640</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vật liệu đóng gói thừa, bao bì giấy loại bỏ từ văn phòng	25.884
2	Bao bì đựng nguyên vật liệu đầu vào	21.140
3	Sản phẩm lỗi hỏng thải bỏ	181.910
4	Bụi nhựa phát sinh	226
5	Túi vải thải bỏ	240
<b>Tổng cộng</b>		<b>229.400</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 14,4 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có dung tích 120 lít, ghi tên chất thải, mã chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo ở bên ngoài thùng chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m<sup>2</sup>, có tường bao, nền chống thấm, mái che, rãnh thu chất thải lỏng đổ tràn, lắp đặt biển cảnh báo, dán nhãn, mã chất thải nguy hại theo quy định.

- Bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy như: bình phòng cháy chữa cháy, 1 thùng chứa cát và xèng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa dung tích từ 120 lít, 200 lít, bao chứa được ghi tên theo từng loại chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa

01 kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 10 m<sup>2</sup>, có tường bao, nền chống thấm, mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa có dung tích 40 lít, 60 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 10 m<sup>2</sup>, có tường bao, nền chống thấm, mái che.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo đề xuất cấp phép. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.